

Bản án số: 195/2022/KDTM-ST.
Ngày: 31/8/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tự.
- Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2022/TLST-KDTM ngày 03/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4568/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 5261/QĐST-KDTM ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH U.

Địa chỉ: Số 574/8/29 Đường K, KP M, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977.

(bà V có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH P;

Trụ sở: Số 15F-15G đường N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Gia K, địa chỉ 6C1 Đường Đ, phường HB, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (ông K có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/01/2021, Công ty TNHH U (gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH P (gọi tắt là bị đơn) ký hợp đồng số 012021-01/UT-P/HĐNT về việc mua bán hàng hóa. Nguyên đơn đã chuyển hàng và xuất hóa đơn cho bị đơn. Ngày 17/5/2021, hai bên ký xác nhận công nợ. Theo đó bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hàng là 199.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nhắc nợ nhiều lần nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc: 199.500.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày Tòa xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn và bị đơn xác nhận công nợ như sau: Theo đơn khởi kiện, Nguyên đơn nợ bị đơn số tiền 199.500.000 đồng. Ngày 31/8/2022 Bị đơn đã trả được 65.000.000 đồng cho nguyên đơn. Số tiền gốc bị đơn nợ còn lại là 134.500.000 đồng. Lãi chậm trả đến 31/8/2022 là 28.715.568 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi, đến ngày 31/8/2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn là 163.215.568 đồng.

Bị đơn đồng ý với cách tính lãi và đồng ý lãi suất hỗ trợ của nguyên đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, tính đến ngày 31/8/2022 là 163.215.568 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Công ty TNHH U khởi kiện Công ty TNHH P có trụ sở tại Quận 1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc: 134.500.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 31/8/2022 là 28.715.568 đồng.

Xét, ngày 07/01/2021, giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là trà bưởi mật ong, tép bưởi nước đường và chè hạt sen.

[4]. Ngày 11/01/2021, nguyên đơn giao hàng cho bị đơn. Nguyên đơn có phiếu xuất kho số BH01727. Số tiền bị đơn phải thanh toán theo phiếu xuất kho là 106.019.932 đồng.

[5]. Ngày 25/01/2021, nguyên đơn giao hàng cho bị đơn. Nguyên đơn có phiếu xuất kho số BH01869. Số tiền bị đơn phải thanh toán theo phiếu xuất kho là 70.679.954 đồng.

[6]. Ngày 03/02/2021, nguyên đơn giao hàng cho bị đơn. Nguyên đơn có phiếu xuất kho số BH01958. Số tiền bị đơn phải thanh toán theo phiếu xuất kho là 22.799.977 đồng.

[7]. Nguyên đơn đã xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với số tiền hàng nói trên cho bị đơn.

[8]. Như vậy tổng số tiền hàng mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 199.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền này đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

[9]. Căn cứ hóa đơn gửi bưu điện thể hiện, vào các ngày 18/3/2021 và 18/4/2021 nguyên đơn gửi thông báo nhắc nợ đến bị đơn nhưng bị đơn không phản hồi. Ngày 17/5/2021 bị đơn gửi biên bản đối chiếu công nợ cho nguyên đơn. Bị đơn xin được chia lộ trình trả số nợ trên cho nguyên đơn như sau:

Lần 1 trả 49.875.000 đồng vào ngày 18.6.2021.

Lần 1 trả 49.875.000 đồng vào ngày 18.7.2021.

Lần 1 trả 49.875.000 đồng vào ngày 18.8.2021.

Lần 1 trả 49.875.000 đồng vào ngày 18.9.2021.

[10]. Tuy nhiên bị đơn không trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ như đã ký trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/5/2021.

Ngày 31/8/2022 cả hai bên đều xác nhận, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 134.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Do vậy, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc còn nợ cho nguyên đơn.

[11]. Xét tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán.

Tại khoản 5.5 Điều 5 của hợp đồng có ghi: Số tiền chậm trả ngoài thời gian quy định, bên B (bị đơn) phải chịu lãi theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng trong cùng thời điểm. Nếu việc chậm trả kéo dài hơn thời gian quy định thì bên B phải chịu lãi suất quá hạn của Ngân hàng cho số tiền chậm trả theo thời gian vượt quá quy định. Nguyên đơn tính lãi suất quá hạn 9% là thấp hơn so với lãi suất trung bình liên ngân hàng là có lợi cho bị đơn.

[12]. Bị đơn xác nhận số tiền lãi còn nợ nguyên đơn như đúng yêu cầu.

Bị đơn đồng ý với cách tính lãi và phương án hỗ trợ tiền lãi của nguyên đơn. Tính đến ngày 31/8/2022, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là: 28.715.568 đồng.

Tổng cộng: Bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền: 163.215.568 đồng.

[13]. Từ tất cả các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở pháp lý chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[14]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Các Điều 24; 34; 50; 55 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH U số tiền: 163.215.568 đồng (bao gồm nợ gốc 134.500.000 đồng và nợ lãi là 28.715.568 đồng) do chậm thanh toán theo hợp đồng.

Các bên Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH P phải chịu án phí sơ thẩm là: 8.160.778 đồng.

Trả lại Công ty TNHH U số tiền tạm ứng đã nộp là 5.497.358 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005929 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 Tp Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Cành